



TẦM QUAN TRỌNG CỦA KHU VỰC FDI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

PHẠM THIÊN HOÀNG

Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Theo thống kê, khối doanh nghiệp FDI hiện đóng góp khoảng 23,5% tổng đầu tư toàn xã hội (gần 20% GDP), chiếm trên 70% kim ngạch xuất khẩu... Bên cạnh những kết quả đóng góp ghi nhận và Nhà nước đã có những hỗ trợ tích cực trên nhiều phương diện, song hoạt động đầu tư FDI vào Việt Nam thời gian qua còn tồn tại khá nhiều thách thức. Phân tích thực trạng thu hút FDI cũng như những đóng góp của thành phần kinh tế này trong thời gian qua, bài viết gợi ý một số vấn đề về chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp FDI tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Từ khóa: GDP, FDI, xuất khẩu, đầu tư, doanh nghiệp, kinh tế - xã hội

THE ROLE OF FDI SECTOR TOWARD SOCIO- ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM

Pham Thien Hoang

The FDI sector has proven its importance toward social and economic development in Vietnam. According to statistics, the FDI businesses contribute approx. 23.5% of total social investment capital and account for more than 70% of export and import value... In spite of receiving many supports, the recent FDI activities in Vietnam have still shown inadequacies. The paper analyzes the practical performance of FDI activities and then make recommendations to furthermore promote this sector in Vietnam.

Keywords: GDP, FDI, export, investment, enterprise, socio-economic

Ngày nhận bài: 15/4/2019

Ngày hoàn thiện biên tập: 6/5/2019

Ngày duyệt đăng: 10/5/2019

Tình hình thu hút FDI của Việt Nam thời gian qua

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã tăng mạnh kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007. Nhất là sau khi Việt Nam ký kết và tham gia hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA), trở thành nền kinh tế có độ mở lớn (đạt hơn 200% GDP năm 2018). Sau hơn 30 năm mở cửa, hội nhập và cải cách môi trường kinh doanh, Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của

các nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài. Nguồn vốn FDI vào Việt Nam đã tăng mạnh, số vốn đăng ký và số vốn thực hiện đều có sự cải thiện so cùng kỳ các năm (Hình 1). Số liệu thu hút đầu tư FDI trong quý I/2019 là minh chứng cụ thể. Theo đó, tổng vốn đăng ký 3 tháng đầu năm 2019 đạt 10,8 tỷ USD, tăng 86,2% so với cùng kỳ quý I/2018. Trong đó, 785 dự án đăng ký mới đạt tổng vốn 3,8 tỷ USD (tăng 80%); vốn góp, mua cổ phần đạt gần 5,7 tỷ USD (tăng hơn 200%); Giải ngân vốn FDI đạt 4,12 tỷ USD (tăng 6,2%) so với cùng kỳ năm 2018.

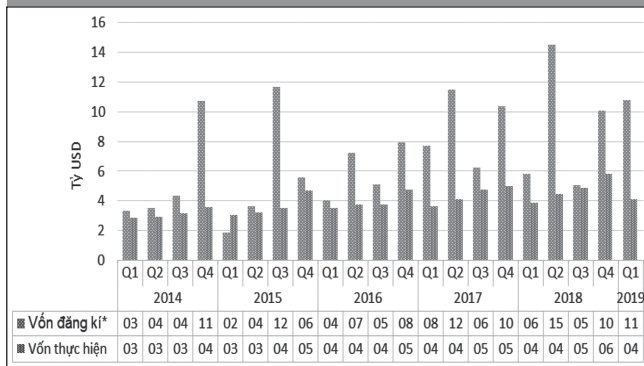
Lũy kế đến cuối quý I/2019, cả nước có 28.125 dự án đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 346,5 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt 195,6 tỷ USD, bằng 56,4% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Đánh giá theo ngành hoạt động, NĐT nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 201,2 tỷ USD (chiếm 58% tổng vốn đầu tư). Tiếp đến là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản (BDS) với 58,2 tỷ USD (chiếm 16,8% tổng vốn đầu tư); sản xuất, phân phối điện, khí nước với 23 tỷ USD (chiếm 6,6% tổng vốn đầu tư); Với vị trí và tầm quan trọng đó, có thể điểm lại tình hình thu hút đầu tư FDI vào Việt Nam theo những trọng tâm cụ thể sau:

Theo đối tác đầu tư

Thống kê theo nhóm nước đầu tư giai đoạn 1988 - 2017 cho thấy, đầu tư từ nhóm các nước ASEAN đứng đầu với 22% tổng nguồn vốn; Hàn Quốc đứng thứ hai với 16,6% tổng nguồn vốn; Nhật Bản giữ vị trí thứ ba với 13,7% tổng nguồn vốn; Đài Loan giữ vị trí thứ tư



HÌNH 1: TÌNH HÌNH THU HÚT FDI VÀO VIỆT NAM



(*) Bao gồm cả vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của NĐT nước ngoài

Nguồn: Tổng cục Thống kê

với 9% tổng nguồn vốn. Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ mặc dù là các thị trường xuất khẩu chủ lực, đem lại thặng dư xuất khẩu lớn cho Việt Nam song vốn FDI từ các thị trường này vào Việt Nam còn hạn chế, chỉ chiếm 8,2% với EU và 5,2% từ các NĐT Mỹ.

NĐT nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam trong hơn 30 năm qua chủ yếu tập trung ở 15 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các NĐT chính này chiếm tới 89,4% vốn đăng ký và 86,2% tổng số dự án. Quy mô đầu tư của các dự án phần lớn là trên mức trung bình. Trong nhóm này, dự án của các NĐT Trung Quốc có quy mô nhỏ nhất, khoảng 6,2 triệu USD/dự án, bằng 44% quy mô dự án trung bình. Hàn Quốc tuy đứng đầu về tổng vốn đăng ký nhưng quy mô dự án bình quân, đạt 9,1 triệu USD/dự án. Đáng lưu ý trong nhóm 15 quốc gia và vùng lãnh thổ được coi là “chủ lực” thì có đến 3 địa điểm được coi là thiên đường thuế gồm: Quần đảo Virgin thuộc Anh, Quần đảo Cayman và Hà Lan, với nhiều dự án quy mô lớn. Vốn đăng ký từ nhóm “bộ tam” này mặc dù chỉ chiếm 4,4% tổng số dự án nhưng tổng vốn đăng ký lại chiếm tới 10,3%. Quy mô dự án trong nhóm này là 32,4 triệu USD/dự án, cao hơn gấp đôi quy mô dự án bình quân.

Nhật Bản và Hàn Quốc là 2 quốc gia châu Á chiếm 39,1% tổng số dự án và 30,3% tổng vốn đăng ký. Trong

giai đoạn 2008-2017, 2 nước này đã tăng tỷ trọng vốn đăng ký vào Việt Nam 3,6 điểm phần trăm so với thập kỷ trước đó lên 32,1% tổng vốn đăng ký. Mỹ cũng tăng tỷ trọng vốn đăng ký vào Việt Nam từ 3,7% lên 5,8% trong giai đoạn 2008-2018, tuy nhiên mức tăng này khá chậm.

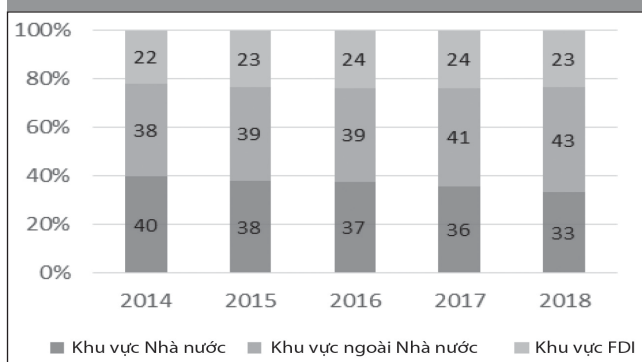
Nguồn vốn FDI vào Việt Nam còn đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác như: Malaysia, Thái Lan hay Trung Quốc, Đài Loan. Các dự án này chủ yếu khai thác tài nguyên và nguồn lao động giá rẻ của Việt Nam. Một điểm đáng lưu ý khác là trong thời gian qua, dòng vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam tăng lên khá nhanh. Mặc dù, giá trị vốn FDI đăng ký từ các NĐT Trung Quốc còn thấp (3% tổng số, lũy kế hết năm 2017), tuy nhiên nguồn vốn FDI từ Trung Quốc đang đặt ra những quan ngại về khía cạnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

Thu hút FDI theo ngành

Vốn FDI ngày càng có xu hướng tập trung vào một số ít nhóm ngành chủ lực, gắn với lộ trình cắt giảm thuế quan và mở cửa các lĩnh vực đầu tư hấp dẫn theo cam kết FTA. Tỷ trọng vốn đăng ký tập trung vào 5 nhóm ngành hàng đầu với 87,9% tổng vốn đăng ký. Thống kê từ năm 2001 đến nay cho thấy, vốn FDI vào ngành Dịch vụ, nhất là kinh doanh bất động sản, có chiều hướng tăng nhanh và là ngành đứng thứ 2 về thu hút vốn FDI, chỉ sau công nghiệp chế biến, chế tạo. Tính chung trong hơn 30 năm qua, đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh BĐS chỉ chiếm 2,8% tổng số dự án, nhưng chiếm tới 16,8 % tổng vốn đăng ký; vốn đầu tư bình quân lên tới 74,4 triệu USD/dự án, gấp hơn 5 lần quy mô vốn bình quân mỗi dự án trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

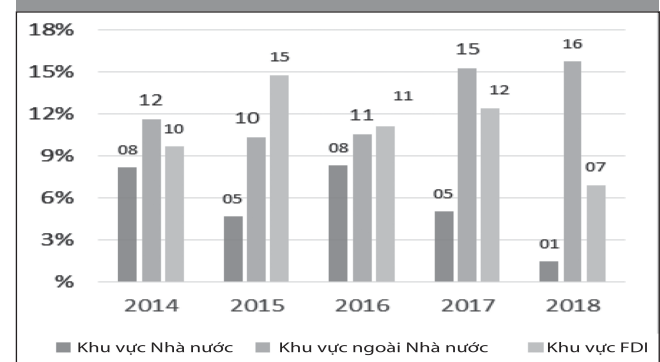
Ngược lại, với 5 nhóm ngành hàng đầu, sức hút đầu tư FDI của các ngành khác còn nhiều hạn chế, điển hình nhất là Nông nghiệp. Mặc dù, dân số Việt Nam tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn (khoảng

HÌNH 2: TỶ TRỌNG VỐN ĐẦU TƯ THEO KHU VỰC KINH TẾ (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

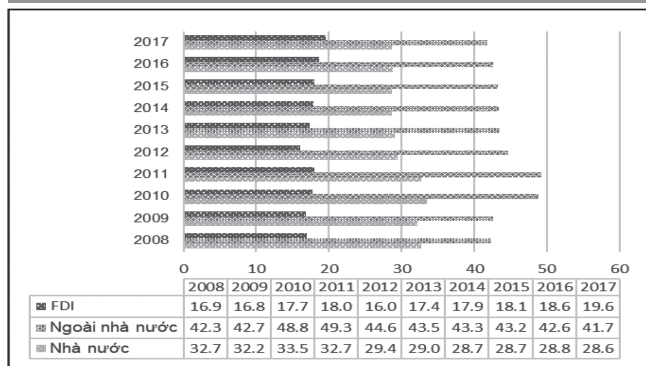
HÌNH 3: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐẦU TƯ (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê



HÌNH 4: TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA KHU VỰC FDI VÀO GDP THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ



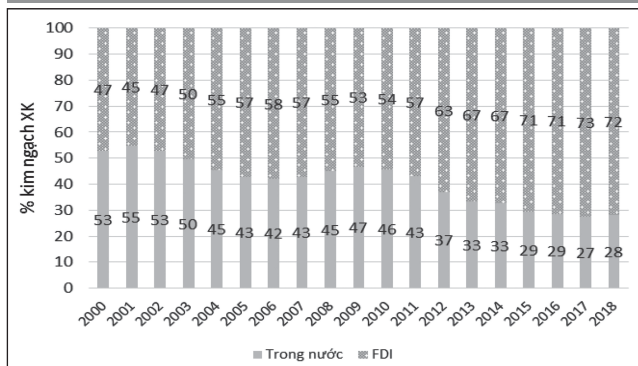
Nguồn: Tổng cục Thống kê

67%), lao động làm việc trong khu vực này chiếm khoảng 46% lao động toàn xã hội và nông nghiệp đóng góp khoảng 17% GDP Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2016)... nhưng nguồn vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực này chỉ chiếm 1,7% tổng số dự án và 1% tổng số vốn FDI vào Việt Nam. Có thể khẳng định với mức đầu tư thấp, nguồn vốn FDI không đóng vai trò đối với sự phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Phân tích về quy mô dự án theo ngành cũng cho thấy sự khác nhau đáng kể giữa các ngành. Dự án có quy mô vốn bình quân lớn nhất là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa với 192,4 triệu USD/dự án. Quy mô dự án lớn thứ 2 là lĩnh vực BĐS với 74,4 triệu USD/dự án; tiếp đó là lĩnh vực khai khoáng với 45,3 triệu USD/dự án. Lĩnh vực chế biến, chế tạo có quy mô khoảng 14,9 triệu USD/dự án, nhỉnh hơn một chút so với bình quân một dự án FDI chung (12,3 triệu USD/dự án). Các lĩnh vực chuyên môn, khoa học công nghệ mặc dù được NĐT nước ngoài quan tâm hơn lĩnh vực nông nghiệp song số vốn đăng ký cũng chỉ chiếm 0,9% tổng vốn đăng ký, tương đương với quy mô trung bình chỉ đạt 1,1 triệu USD/dự án.

Lượng vốn ít, quy mô dự án nhỏ ở nhiều lĩnh vực cho thấy thực tế rằng, Việt Nam chưa thu hút được vốn FDI vào phát triển các ngành công nghiệp lớn, chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế ở các lĩnh vực năng lượng, sản xuất ô tô có trọng tải nặng, thiết bị nâng đỡ phục vụ cảng biển, thiết bị quang học, vật liệu mới, chế biến nông lâm, thủy sản... Một điều dễ nhận thấy, là FDI vào Việt Nam chủ yếu là những ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn như: may mặc, giày dép. Các doanh nghiệp (DN) FDI chủ yếu tập trung vào hoạt động gia công, lắp ráp, nguyên vật liệu chủ yếu nhập từ nước ngoài nên giá trị gia tăng còn thấp. Phát triển kết cấu hạ tầng và nông nghiệp là lĩnh vực Việt Nam ưu tiên, có nhu cầu và tiềm năng lớn nhưng kết quả thu hút FDI còn chưa tương xứng. Một số dự án chưa tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, hiệu quả sử dụng đất của nhiều dự án FDI chưa cao...

HÌNH 5: TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA KHU VỰC FDI VÀO KIM NGẠCH XUẤT KHẨU



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tác động của khu vực FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam

Sự hiện diện của các DN FDI trong ba thập kỷ qua đã góp phần “thay da đổi thịt” nền kinh tế Việt Nam. Những tác động trực tiếp có thể điểm tới gồm:

- *Bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển:* Cơ cấu nguồn vốn đầu tư những năm gần đây tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng của khu vực tư nhân - dân cư trong nước và giảm tỷ trọng đầu tư từ khu vực nhà nước (Hình 2). Theo đó, khu vực nhà nước giảm mạnh tỷ trọng đầu tư tới 6,6 điểm phần trăm, từ 39,9% năm 2014 xuống còn 33,3% năm 2018. Tuy nhiên, tỷ trọng của khu vực FDI trong tổng đầu tư cơ bản giữ ổn định ở mức trung bình 23,5% trong cả giai đoạn 2015 - 2018 (Hình 3) và khẳng định vai trò quan trọng đối với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

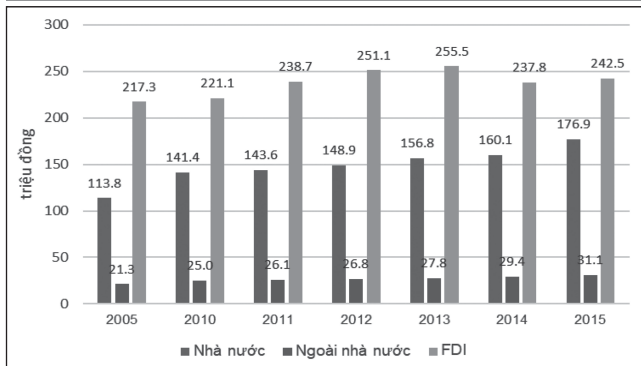
- *Đóng góp vào tăng trưởng GDP và thu ngân sách nhà nước (NSNN):* Nguồn vốn FDI đóng vai trò như là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Mức đóng góp của khu vực FDI trong GDP của cả nước tăng từ 9,3% năm 1995 lên 16,9% năm 2008 và 19,6% năm 2017 (Hình 4). Tỷ trọng thu NSNN từ khu vực FDI cũng gia tăng đáng kể, từ 1,8 tỷ USD trong giai đoạn 1994-2000 lên 23,7 tỷ USD trong giai đoạn 2011-2015, chiếm gần 14% tổng thu NSNN. Riêng năm 2017, khu vực FDI đã đóng góp vào NSNN hơn 8 tỷ USD, chiếm 17,1% tổng thu NSNN.

- *Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu:* Thành tích xuất khẩu ấn tượng của Việt Nam nhiều năm qua ghi dấu ấn đậm nét của các DN FDI. Tỷ trọng đóng góp vào xuất khẩu của khối này đã tăng mạnh từ dưới 50% tổng kim ngạch trước năm 2003 lên trên 60% và 2012 và tiếp tục tăng vượt 70% từ 2015 trở lại đây (Hình 5).

Tác động lan tỏa xuất khẩu từ DN FDI đến khối DN nội địa được phân tích sâu trong nghiên cứu của Nguyễn Bích Ngọc (2017) đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Nghiên cứu cho thấy, các dự án FDI



HÌNH 6: NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ (GIÁ SƠ SÁNH 2010)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

quy mô lớn đã tạo ra cú hích tác động mạnh mẽ tới kết quả xuất khẩu của các ngành này ở Việt Nam. Sự hiện diện của các DN FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã tạo sức ép, buộc các DN trong nước đổi mới công nghệ, cải thiện sản xuất, gia tăng tìm hiểu thị trường xuất khẩu, tăng cường liên kết thương mại. Lợi thế áp đảo về vốn và công nghệ của các tập đoàn đa quốc gia đã tạo ra những áp lực không nhỏ tới thị phần xuất khẩu cũng như năng lực cạnh tranh của các DN nội địa. Thêm nữa, từ góc nhìn vĩ mô, vị thế của DN FDI áp đảo trong xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, thực trạng này cũng tạo ra tính bất ổn đối với việc xuất khẩu, bởi do sản xuất và xuất khẩu của khối FDI phụ thuộc rất nhiều vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

- *Đóng góp vào tăng trưởng năng suất lao động:* Trên phương diện lý thuyết, dòng vốn FDI có quan hệ qua lại với năng suất lao động (NSLĐ) của nước tiếp nhận, tuy nhiên cũng cần lưu ý là nó sẽ có tác động tích cực khi khu vực DN nội địa đủ năng lực học hỏi công nghệ mới, hoặc đủ năng lực cung cấp đầu vào cho khối DN FDI. Theo chiều ngược lại, NSLĐ cũng là nhân tố ảnh hưởng tới thu hút FDI. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, khu vực FDI đang tạo việc làm cho hơn 3,6 triệu lao động trực tiếp và khoảng 5-6 triệu lao động gián tiếp. Phân tích từ báo cáo của Tổng cục Thống kê (2016) cho thấy, theo thời gian khoảng cách NSLĐ giữa các thành phần kinh tế mặc dù dần được thu hẹp nhưng nhìn chung thì NSLĐ khu vực FDI cao hơn khoảng 1,4 lần so với khu vực kinh tế nhà nước và cao gấp 7 đến 8 lần so với khu vực dân doanh (Hình 6).

Nghiên cứu của Lê Văn Hùng (2017) đo lường và phân tách đóng góp của khu vực này vào tăng trưởng NSLĐ trong giai đoạn 2006 - 2016 cho thấy, khu vực FDI đóng vai trò quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam. Tuy nhiên, đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng NSLĐ được tạo bởi tác động dịch chuyển lao động từ khu vực NSLĐ thấp (chủ

yếu từ khu vực nông nghiệp) sang khu vực FDI với NSLĐ cao hơn (chiếm 64%). Theo đó, tăng trưởng NSLĐ thực sự từ khu vực FDI chiếm tỷ lệ nhỏ hơn rất nhiều (36%). Thêm nữa, do mức độ liên kết giữa khu vực FDI và khu vực nội địa hầu hết đều thấp ở mọi ngành, đặc biệt nhóm ngành công nghệ và kỹ năng cao. Thực trạng này hàm ý khả năng tác động gián tiếp vào NSLĐ của khu vực FDI thông qua công nghệ và kỹ năng lao động hiện nay còn thấp.

- *Tạo tác động lan tỏa công nghệ:* Nguồn vốn FDI đã tạo ra tác động lan tỏa công nghệ, góp phần nâng cao trình độ công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ (CGCN) và chuyển giao kỹ năng quản lý cho người Việt Nam, tạo sức ép cạnh tranh, đổi mới công nghệ đối với các DN trong nước. Các kết quả nghiên cứu thực nghiệm (Carol và cộng sự, 2015; Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự, 2015; Trịnh Minh Tâm, 2016; Phạm Thế Anh, 2018) cho thấy, sự hiện diện của các DN FDI có tác động lan tỏa tích cực đến thúc đẩy đổi mới, CGCN đã giúp cải thiện năng suất của DN trong nước. Nhìn chung, Việt Nam đã nhận được tác động tích cực từ FDI, song mức độ tác động tích cực còn thấp, chủ yếu do khả năng cạnh tranh, học hỏi, nhất là liên kết sản xuất, tham gia vào chuỗi cung ứng của DN trong nước còn yếu. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản hạn chế tác động lan tỏa từ FDI. Thực tế cho thấy, các dự án FDI chủ yếu tập trung vào lắp ráp, gia công, tỷ lệ nội địa hóa thấp, giá trị tạo ra tại Việt Nam không cao. FDI chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với DN Việt để cùng tham gia chuỗi giá trị, chưa thúc đẩy được công nghiệp hỗ trợ Việt Nam phát triển, hoạt động CGCN và kinh nghiệm quản lý chưa đạt như kỳ vọng.

Một số hàm ý về chính sách

Vai trò và đóng góp của nguồn vốn cũng như hoạt động của các DN FDI tại Việt Nam được giới nghiên cứu, hoạch định chính sách, các nhà quản lý nhìn nhận tích cực thông qua nhiều kênh, gắn liền và có tác động qua lại, thúc đẩy quá trình đổi mới, mở cửa nền kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình thu hút FDI cũng như hoạt động của các DN này tại Việt Nam đang đặt ra khá nhiều thách thức. Cụ thể:

Thứ nhất, thách thức duy trì độ hấp dẫn thu hút NĐT gắn với phát triển hài hòa và bảo vệ môi trường. Sự hiện diện của các DN FDI đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh trong mấy thập kỷ qua, tuy nhiên đi liền với đó cũng làm gia tăng áp lực đối với môi trường. Những tác động tiêu cực tiêu biểu bao gồm suy thoái nguồn nước, suy thoái và xói mòn đất, gia tăng phát thải khí nhà kính và ô nhiễm không khí, đồng thời gây áp lực lên đa dạng sinh học.



Thứ hai, thách thức đến từ diễn biến của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tốc độ phát triển như vũ bão của các thành tựu công nghệ và các ứng dụng thông minh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm mờ và suy yếu nhanh chóng độ hấp dẫn từ các yếu tố được coi là “lợi thế” của Việt Nam với NĐT nước ngoài như “lực lượng lao động giá rẻ” và “các ưu đãi hiện vật”. Thêm nữa, Việt Nam cần tính đến khả năng dịch chuyển đầu tư trở lại cố quốc được hỗ trợ, bởi quá trình chuyển đổi số hóa, chuyên biệt hóa, tự động hóa, kết hợp với trí tuệ nhân tạo cho phép thay thế lao động phổ thông giá rẻ với những lựa chọn kết hợp sử dụng nhân công và máy móc ngày càng tối ưu.

Thứ ba, thách thức đến từ diễn biến khó lường về địa chính trị, đặc biệt là liên quan đến căng thẳng thương mại Mỹ - Trung. Ngay cả trong trường hợp lạc quan là căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể giảm nhiệt nhưng những “dư chấn” được nhận định sẽ còn kéo dài trong nhiều năm. Trong ngắn hạn, Việt Nam có thể được lợi từ dòng đầu tư của Mỹ và Trung Quốc chuyển dịch đến nhưng lợi ích thu được từ tác động này có thể không nhiều do phải bù trừ với phần tác động tiêu cực do giảm xuất khẩu nếu cầu nhập khẩu của thế giới giảm sút.

Thứ tư, Việt Nam cần tính đến rủi ro trở thành điểm dịch chuyển các công nghệ lạc hậu của các NĐT, tiềm ẩn nguy cơ trở thành “bãi rác công nghệ”, đặc biệt là với dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc. Lộ trình thực hiện Chiến lược Made in China 2025 của Trung Quốc tất yếu sẽ dẫn đến yêu cầu phải thay thế và đổi mới công nghệ, tạo áp lực đẩy các công nghệ lỗi thời sang các quốc gia kém phát triển hơn, đặc biệt là các nước láng giềng như Việt Nam.

Xung lực thu hút FDI của Việt Nam thời gian tới sẽ vẫn được duy trì nhờ những nỗ lực của Việt Nam kiên trì mở rộng hội nhập quốc tế, cam kết mạnh mẽ mở cửa thị trường, xóa bỏ các rào cản đầu tư, thương mại thông qua những FTA thế hệ mới có hiệu lực như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do - EU (EVFTA). Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tác động đến tâm lý NĐT và có thể thúc đẩy xu hướng dịch chuyển đầu tư sang các thị trường tiềm năng khác và Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn trong bối cảnh đó. Thêm nữa, công cuộc đổi mới của Việt Nam vẫn tiếp tục được duy trì, hướng vào cắt giảm nhiều điều kiện kinh doanh, minh bạch hóa thủ tục hành chính, niềm tin của giới kinh doanh và NĐT ngày càng được củng cố nhờ các nỗ lực hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển kinh tế tư nhân của Chính phủ kiến tạo.

Vai trò và những đóng góp của FDI cho nền kinh tế là không thể phủ nhận. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy, tác động có ảnh hưởng sâu rộng nhất của FDI được chuyển tải qua các kênh gián tiếp hơn là trực tiếp. Trong số nhiều yếu tố ảnh hưởng thì điều cốt yếu tạo sự hấp dẫn và giữ chân NĐT là môi trường đầu tư kinh doanh ổn định, minh bạch; lực lượng lao động có kỹ năng dồi dào và công nghiệp hỗ trợ phát triển, đảm bảo liên kết hiệu quả giữa khu vực FDI và khu vực trong nước. Theo đó, trong thu hút FDI cần đảm bảo chọn lọc dự án FDI hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao và trung bình cao; thúc đẩy DN FDI tăng cường kết nối với các DN nội địa, đặc biệt là các DN phụ trợ thông qua xây dựng và triển khai các chính sách ưu tiên phù hợp; định hướng phát triển công nghiệp phụ trợ bám sát mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ về tư vấn chuyên gia, giải pháp công nghệ, hỗ trợ đào tạo nhân lực, gồm cả đội ngũ quản trị DN.

Về phương diện quản lý điều hành vĩ mô, Việt Nam phải kiên định đẩy mạnh cải cách, cắt giảm các rào cản, loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, tạo lập môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Bên cạnh việc chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng, để duy trì sức hấp dẫn với NĐT thì cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm “bắt kịp” các xu hướng công nghệ; đồng thời, tạo nền tảng thu hút và giữ chân nhân tài, tạo động lực cạnh tranh động và sức hút với các ngành FDI công nghệ cao.



Tài liệu tham khảo:

1. CIEM (2019), “Báo cáo kinh tế vĩ mô quý I/2019”, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
2. Lê Thị Khánh Ly, Nguyễn Thị Thúy (2018), “Một số giải pháp tăng cường thu hút FDI trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* số 07 tháng 03/2018 (683);
3. Lê Văn Hùng (2017), “FDI và tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam - Ngụ ý đối với dòng vốn FDI từ EU”, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam;
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), *Kỷ yếu Hội nghị 30 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*;
5. Nguyễn Bích Ngọc (2017), *Tác động lan tỏa từ FDI đến xuất khẩu của ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
6. Nguyễn Mai (2018), *Tìm hướng mở rộng hơn sự lan tỏa của FDI tới doanh nghiệp trong nước*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 4+5 tháng 2/2018.

Thông tin tác giả:

ThS. Phạm Thiên Hoàng - Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Email: phamthienhoang@mpi.gov.vn